

## QUAN ÂM THỊ KÍNH

### I - GỢI DẪN

#### 1. Thể loại:

"Chèo là một hình thức kịch hát dân gian Việt Nam, một loại kể chuyện bằng sân khấu độc đáo của dân tộc bắt nguồn từ những trò diễn cổ truyền, thường diễn lại những truyện cổ tích, truyện Nôm quen thuộc, có tính trào lộng đặc sắc, nảy sinh và phổ biến chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ, nhất là vùng Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hải Hưng. Ban đầu nhân dân diễn chèo trên những chiếc chiếu trải giữa sân đình (gọi là chiếu chèo), việc hoá trang, bài trí thô sơ, đơn giản. Chèo sử dụng tổng hợp nhiều chất liệu trong vốn văn nghệ cổ truyền và kết tinh ở một mức nhất định những đặc sắc của những chất liệu ấy và trở thành một trong những thể loại tiêu biểu, độc đáo của nền văn nghệ dân gian. Tính chất "tứ chiếng" (tập thể và truyền miệng) thể hiện trong quá trình sáng tác cũng như trong diễn xuất. Chèo bản, tích trò (tức kịch bản) luân lưu qua nhiều thế hệ, nhiều địa phương, những nghệ nhân không ngừng sáng tạo, sửa đổi cho phù hợp với đòi hỏi của công chúng đương thời nên phần lớn chưa được cố định hoá. Trong một số vở chèo, nhiều khi khán giả và nhạc công cùng tham gia biểu diễn. Tiếng đé là một trong những biểu hiện của quần chúng tham gia diễn xuất. Lời chèo thường được bẻ từ ca dao, tục ngữ.

Nhạc chèo là những làn điệu dân ca phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ như hát cách, hát sấp, sa lệch, làm thăm, hề môi, hề gậy, v.v. Múa là những điệu quen thuộc ở nông thôn như múa quạt, múa nón, chèo thuyền, thêu thùa, dệt cửi. Nhạc khí thường là trống sênh, thanh la, mõ, đàn nguyệt, kèn, nhị. Một số vở chèo tiêu biểu là Thạch Sanh. Người con gái Nam Xương, Lưu Bình - Dương Lễ, Kim Nham, Trương Viên, Quan Âm Thị Kính!, Tuần ti - Đào Huê (Chu Mãi Thần),... Hiện thực sâu sắc được phản ánh là mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ, giữa chính quyền phong kiến và nhân dân lao động. Vai chính (nhân vật tích cực) thường là những người nghèo khổ ở vào địa vị bị áp bức, bóc lột, có phẩm chất cao quý như nhân ái, trung thực, dũng cảm đấu tranh, thông minh, mưu trí, tài hoa, có sức khoẻ. Thạch Sanh, Thị Kính, Châu Long, Thị Phương là những người gặp nhiều gian nan, thử thách trong xã hội bất công nhưng giữ vững chí khí kiên quyết, lương tâm trong sáng. Những đức tính tốt đẹp càng được bộc lộ rõ rệt khi gặp cảnh ngộ đòi hỏi nhiều hi sinh, phấn đấu. Thạch Sanh dũng cảm giết mãng xà vương, bắn đại bàng. Thị Phương xin khoét mắt mình để cứu mẹ, Thị Kính giàu lòng thương và đức tính hi sinh, v.v. Người lương thiện cuối cùng đều được hưởng hạnh phúc. Đó là bản chất của hiện tượng và niềm tin ở sức mạnh nhân dân. Vai lệch (nhân vật tiêu cực) thường là những kẻ giàu có đi áp bức và bòn tay sai của chúng. Tuy có lúc đắc thế nhưng chúng nhất định phải bị trừng phạt. Lí Thông bị chết, bọn hào lí bị thất bại, v.v. Điều đó chưa phải là những sự thật cụ thể lịch sử xưa kia, nhưng nêu được yêu cầu về công lí, biểu hiện rõ tinh thần đấu tranh và quan điểm của nhân dân lao động. Tính hài hước, trào phúng là một đặc điểm nổi bật. Do đó, có ý kiến cho từ "chèo" là do "trào" đọc chệch ra. Hệ thống các vai hề mang tính chất chiến đấu rõ rệt. Xét về tính chất, có hai loại hề. Một loại hề đi hầu như hề môi, hề gậy, hề nhất, hề nhị, hề tam, lính canh, tuần phủ, mõ, tiều phu. Loại này có sức mạnh, thả sức tung hoành không ai bắt bẻ được, phát biểu thay quần chúng bị áp bức để tố cáo, phủ nhận giai cấp thống trị và bẻ lũ tay sai. Đó là những nhân vật tích cực. Mẹ Đốp trong Quan Âm Thị Kính đã dùng lí lẽ sáng suốt buộc xã trưởng phải chịu thua nhiều keo nhục nhã. Loại thứ hai, ít đại diện cho tầng lớp trên như thầy đồ gàn, thầy bói, phù thủy, v.v. Chính họ là những vai hề thực sự, phô bày những nét tiêu cực của chính mình. Tuy các vai hề ít nhiều có tính chất độc lập với tình tiết của vở chèo, nhưng kịp thời phản ánh dư luận của nhân dân, biểu hiện tinh thần lạc quan, cảm nghĩ lạnh mạnh, tinh thần chiến đấu cao.

Chèo chú trọng nhiều tới sự việc, tới tình tiết, không nặng về biểu hiện tâm lí nhân vật

như kịch nói. Kịch tính trong chèo chủ yếu là ở những mâu thuẫn nảy sinh từ sự phát triển của tình tiết, hướng vào những kết cục có mâu thuẫn cao, những cái nút. Ví dụ : nút thứ nhất trong Quan Âm Thị Kính xoay quanh nỗi oan cắt râu chồng, nút thứ hai xoay quanh nỗi oan có con với Thị Mầu. Mâu thuẫn vừa giải quyết hoặc chưa kịp giải quyết, mâu thuẫn khắc lại tiếp đến, gay gắt hơn khiến cho kịch tính của chèo khá đậm".

TRẦN GIA LINH (Từ điển văn học, tập I, Sđd)

**2. Văn bản Quan Âm Thị Kính** là phần lời (kịch bản) của một vở chèo - một loại hình văn nghệ dân gian kết hợp nhiều hình thức như hát, múa, diễn tích, kể chuyện,... được trình bày trên sân khấu (còn gọi là chiếu chèo).

Tuy chỉ là kịch bản sân khấu nhưng Quan Âm Thị Kính (và trích đoạn Nỗi oan hại chồng) cũng thể hiện được những giá trị nghệ thuật nhất định, phần nào giúp chúng ta hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghệ thuật chèo, nhất là về nội dung tư tưởng : những vấn đề mà vở chèo nêu ra, những mâu thuẫn và xung đột trong xã hội cũ, nỗi khổ của người phụ nữ,...

### **3. Đại ý :**

Vở chèo Quan Âm Thị Kính và trích đoạn Nỗi oan hại chồng đã thể hiện được những phẩm chất tốt đẹp cùng nỗi oan bi thảm, bế tắc của người phụ nữ, qua đó thể hiện sâu sắc những xung đột giai cấp thông qua xung đột hôn nhân, gia đình trong xã hội phong kiến.

### **4. Tóm tắt:**

Thiện Sĩ ngồi đọc sách rồi thiu thiu ngủ. Thị Kính ngồi khâu bên cạnh, thấy một sợi râu chồng mọc ngược, cho là không tốt, định lấy dao khâu xén đi. Ngờ đâu Thiện Sĩ giật mình tỉnh dậy hô hoán lên. Sùng ông, Sùng bà vốn không ưa Thị Kính, thấy thế bèn vu cho Thị Kính tội cố ý giết chồng. Rồi mặc cho Thị Kính tha hồ van xin, Sùng ông, Sùng bà đuổi Thị Kính về nhà bố mẹ đẻ. Sùng ông gọi Mãng ông (bố Thị Kính) sang. Sau khi làm cho hai bố con phải nhục nhã, khổ sở, hai vợ chồng bỏ vào nhà trong để mặc hai bố con ôm nhau than khóc rồi đưa nhau về.

### **5. Cách đọc :**

Chèo được viết ra để diễn. Với một vở chèo cổ như Quan Âm Thị Kính, các nhân vật đối đáp bằng những giọng điệu phức tạp (hát lệch, nói đếm, hát sấp, nói lệch,...), rất khó để thể hiện đúng giọng điệu của nhân vật trên sân khấu. Để khắc phục, người đọc cần căn cứ vào diễn biến sự kiện để hình dung tâm trạng của các nhân vật, từ đó xác định giọng điệu tương đối phù hợp (tất nhiên là chỉ với yêu cầu đọc).

## **II - KIẾN THỨC CƠ BẢN**

1. Tích chèo Quan Âm Thị Kính nổi tiếng có nguồn gốc từ truyện Nôm Quan Âm tân truyện (còn gọi là Quan Âm Thị Kính) và từ lâu được phổ biến rộng rãi trong nhân dân - đặc biệt ở các tỉnh phía bắc. Trích đoạn Nỗi oan hại chồng có năm nhân vật: Thiện Sĩ, Thị Kính, Sùng ông, Sùng bà, Mãng ông. cả năm nhân vật này đều tham gia quá trình tạo nên xung đột kịch — trong đó Sùng bà và Thị Kính là hai nhân vật thể hiện xung đột cơ bản của vở chèo :

- Sùng bà thuộc kiểu nhân vật mù ác, đại diện cho giai cấp thống trị, thuộc tầng lớp địa chủ phong kiến.

- Thị Kính thuộc loại nhân vật nữ chính (mù ác và nữ chính là hai loại nhân vật rất tiêu biểu, thường xuất hiện trong chèo). Thị Kính tiêu biểu cho người dân thường, nhất là cho người phụ nữ vốn phải chịu nhiều thua thiệt trong xã hội cũ.

2. Thị Kính vốn được sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo nhưng lại về làm dâu nhà Thiện Sĩ, một gia đình địa chủ. Bởi vậy, cảnh sinh hoạt ở đầu đoạn trích không thật quen thuộc, gần gũi với cuộc sống của nhân dân lúc bấy giờ. Mặc dù vậy, cảnh Thị Kính ngồi khâu, Thiện Sĩ đọc sách,... vẫn gợi lên một bầu không khí thật đầm ấm, hạnh phúc.

Nổi bật lên trong đó là hình ảnh Thị Kính, người phụ nữ hết lòng thương yêu chồng. Khi chồng ngủ, Thị Kính đã dọn lại ki rồi quạt cho chồng. Cũng vì yêu chồng mà khi Thiện Sĩ đã ngủ, Thị Kính chăm chú nhìn và phát hiện ra một chiếc râu mọc ngược. Với suy nghĩ rất bình thường, giản dị "Trước đẹp mặt chồng, sau đẹp mặt ta" (nhân dân ta còn có câu "Xấu chàng hổ ai" cũng có nghĩa tương tự), Thị Kính đã toan lấy dao khâu xén chiếc râu đó đi. Những suy nghĩ và hành động của Thị Kính rất tự nhiên, thể hiện những tình cảm rất nồng nàn và chân thực của người phụ nữ yêu chồng.

3. Cả trong hành động và ngôn ngữ, Sùng bà đều. Chứng tỏ là một kẻ tàn nhẫn, độc ác, không những thế lại còn coi thường những người lao động nghèo khổ.

- Về hành động : Sùng bà dúm đầu Thị Kính xuống, bắt Thị Kính phải ngửa mặt lên (một kiểu hạ nhục người khác). Sùng bà không cho Thị Kính được phân bua, thanh minh cho mình, dúm tay đẩy Thị Kính ngã khụy xuống, nhất quyết trả Thị Kính về cho gia đình.

- Về ngôn ngữ : Sùng bà đay nghiến, mắng nhiếc Thị Kính thậm tệ. Điều quan trọng nhất là cách mắng chửi của Sùng bà đối với Thị Kính không phải là lời mắng của mẹ đối với con, cũng không phải là của một bà mẹ chồng đối với con dâu của mình. Trong những lời mắng chửi, Sùng bà luôn nhấn mạnh đến sự đối lập giữa hai giai cấp, đến sự không "môn đăng hộ đối" giữa hai gia đình :

- Giống nhà bà đây Giống phượng, giống công
- Nhà bà đây cao môn lệnh tộc
- Trứng rồng lại nở ra rồng
- Tuồng bay mèo mả gà đồng
- Mây là con nhà cua ốc
- Liu điu lại nở ra đồng liu, điu

Lời lẽ, hành động của Sùng bà chứng tỏ mu là người tàn nhẫn và độc ác, không những thế lại còn hợm hĩnh, tự coi mình là tầng lớp trên, dẫn đến coi thường những người khác, nhất là những người lao động. Điều đó cho thấy Sùng bà tức giận, chửi mắng Thị Kính thậm tệ không hẳn vì nghĩ rằng Thị Kính có ý làm hại con mụ mà vì sự chênh lệch đẳng cấp xã hội giữa hai gia đình. Thị Kính là con nhà nghèo mà lại dám bước vào, hơn thế nữa lại là nàng dâu, trở thành người trong gia đình mụ.

4. Trước nỗi oan khuất, Thị Kính không biết làm gì khác, chỉ một mực kêu oan. Thị Kính đã kêu oan đến năm lần. Bốn lần trước là hướng đến mẹ chồng và chồng ("Oan con lắm mẹ ơi !" ; "Oan thiếp lắm chàng ơi !"). Cả bốn lần, lời kêu oan của Thị Kính chỉ như đổ thêm dầu vào lửa, bởi Thiện Sĩ chỉ là một kẻ bạc nhược, đốn hèn, còn Sùng bà thì hiển nhiên không muốn chấp nhận Thị Kính là dâu con trong nhà. Chỉ đến lần thứ năm, lời kêu oan của Thị Kính mới nhận được sự cảm thông, nhưng đó lại chỉ là của Mãng ông : "Oan cho con lắm à ?". Một sự cảm thông đau khổ và bất lực. Mãng ông biết con gái bị oan nhưng chỉ là một người nông dân nghèo, không có vị thế trong xã hội, ông không thể làm gì để giúp đỡ con gái.

5. Sùng ông, Sùng bà thật là những kẻ độc ác đến tàn nhẫn. Đuổi Thị Kính ra khỏi nhà chưa thoả, trước khi đuổi, chúng còn bày ra một màn kịch độc ác nhằm làm cho họ phải nhục nhã ê chề. Sùng ông gọi Mãng ông sang để bắt thông gia sang nhận con gái về, lại nói:

- Ông Mãng ơi, ông sang mà ăn cử cháu !

Mãng ông tưởng thật, đang nói giọng hoan hỉ thì bị giội ngay gáo nước lạnh : "Đây này ! Đang nửa đêm nó cầm dao giết chồng đây này !". Không những thế, Sùng ông còn thẳng thừng

cự tuyệt quan hệ thông gia với Mãng ông bằng cách dúi ngã Mãng ông rồi bỏ vào nhà.

Xung đột kịch đã được đẩy đến mức cao nhất : Thị Kính không những bị đẩy vào cảnh tan vỡ hạnh phúc vợ chồng, bị chửi mắng, hành hạ mà còn phải chứng kiến cảnh người cha già yếu bị chính bố chồng làm cho nhục nhã, khổ sở.

Hình ảnh hai cha con ôm nhau khóc là hình ảnh của những người chịu oan, đau khổ mà hoàn toàn bất lực. Đó là bi kịch điển hình của những người dân nghèo, nhất là những người phụ nữ nông thôn trong xã hội cũ.

6. Khi Mãng ông bảo Thị Kính về theo mình, Thị Kính đi theo cha mấy bước nữa, rồi dừng lại, quay vào nhìn từ cái kỉ đến sách, thúng khâu, rồi cầm lấy chiếc áo đang khâu dở, bóp chặt trong tay.

Cử chỉ và lời hát của Thị Kính thể hiện rất nhiều ý nghĩa :

Thương ôi ! Bấy lâu sắt cầm tịnh hảo Bỗng ai làm chẵn gôi lẻ loi.

Những cặp từ ngữ đối lập bấy lâu — bỗng; sắt cầm — chẵn gôi lẻ loi... với sắc thái ý nghĩa đối lập đã diễn tả hai trạng thái trái ngược nhau được chuyển đổi rất đột ngột. Từ cảnh "sắt cầm tịnh hảo" (ý nói tình vợ chồng hoà hợp đậm ấm) đến cảnh "chẵn gôi lẻ loi" (vợ chồng chia lìa) chỉ là trong phút chốc. Bên này là hạnh phúc, bên kia là cảnh chia lìa. Bị đẩy ra khỏi thế giới quen thuộc, người phụ nữ bỗng hoá bơ vơ giữa cái vô định của cuộc đời.

Việc Thị Kính giả trai đi tu càng khẳng định sự bế tắc của con người (nhất là người phụ nữ nông dân nghèo) trong xã hội. Bên cạnh đó nó còn thể hiện một quan điểm định mệnh, cho rằng mình khổ là do số kiếp, từ đó tìm về cửa Phật để tu tâm, tích đức. Nó cũng cho thấy một điều rằng : con người thời bấy giờ chưa đủ sức, chưa đủ bản lĩnh để vượt lên trên hoàn cảnh, trái lại đã phải cam chịu, coi nỗi khổ của mình như một lẽ đương nhiên. Điều đó làm cho tâm hồn họ càng trở nên yếu đuối và ngày càng thụ động trước hoàn cảnh ngặt nghèo.

Diễn biến tiếp theo của vở chèo cho thấy đi tu không phải là con đường giúp nhân vật thoát khỏi nỗi đau khổ thực tại. cái trang làm chú tiểu, Thị Kính lại bị Thị Mầu vu cho cái tội làm cho thị hoang thai. Thị Kính bị đuổi ra tam quan, rốt cuộc vẫn không thoát khỏi được kiếp trầm luân khổ ải.